

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - Ông Trịnh Văn Bé.
 - Bà Phan Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 594/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 584/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 609/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn Hoàng N, sinh năm 1993; địa chỉ: số C, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Chị Phạm Thùy T, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Hoàng N trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu anh và chị T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2016, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không

tình cảm, bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị **T**.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung **Nguyễn Ngọc N1**, sinh ngày 08/12/2015 hiện nay sống chung với anh **N**, khi ly hôn anh **N** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu, **N1**, không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** xác định không có.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh (bản sao).

Do anh bận đi làm ăn xa cho anh xin vắng mặt tại xét xử ngày 23.01.2024 không khiếu nại gì về sau.

Chị **Phạm Thùy T** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.
- Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị **Phạm Thùy T** cư trú **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang**. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở anh Nguyễn Tấn Hoàng N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Phạm Thùy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Tấn Hoàng N và chị Phạm Thùy T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, anh N với chị T thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, anh chị không còn sống chung từ cuối năm 2022 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh N, chị T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh Nguyễn Tấn Hoàng N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 08/12/2015 hiện nay sống chung với anh N, khi ly hôn anh N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân đến nay, cháu N1 sống chung với anh N cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu N1 thì cháu có nguyện vọng sống chung với anh N. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu N1. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu N1 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, chị T cũng không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Tấn Hoàng N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Tấn Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thùy T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Tấn Hoàng N**

1. Về hôn nhân: Anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** được ly hôn với chị **Phạm Thùy T**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 19/01/2016 do Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **C**, tỉnh **An Giang** cấp cho anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** và chị **Phạm Thùy T** không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc N1**, sinh ngày 08/12/2015 hiện nay sống chung với anh **N**, khi ly hôn anh **N** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **N1**. Chị **Phạm Thùy T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị **Phạm Thùy T** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh **N** xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh **N** và chị **T** trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013998 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 09 tháng 10 năm 2023; anh **Nguyễn Tấn Hoàng N** đã nộp đủ án phí.

Chị **Phạm Thùy T** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn